

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-PT

Ngày: 09/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Phương

Ông Trương Phước Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS - ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 338/2017/QĐ – PT ngày 10 tháng 11 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 292/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Anh Vũ A, sinh năm 1970; Địa chỉ: phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

- Chị Đặng Thị T, sinh năm 1981;

- Anh Lê Trung H1, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H1: Luật sư Trần Hà Xuân P, Công ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Anh Lê Trung H1 là bị đơn trong vụ án.

(Có mặt anh A, anh H1, Luật sư P; chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Võ Văn H trình bày: Năm 2016, anh có bán cá lóc nuôi cho chị Đặng Thị T với số tiền 4.698.649.000 đồng, đã trả 3.276.329.000 đồng, còn nợ lại 1.422.320.000 đồng. Có xác nhận nợ ngày 11/12/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/02/2017 chị T đã trả 430.000.000 đồng, ngày 20/7/2017 đã chuyển khoản trả thêm 5.000.000 đồng. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Đặng Thị T và anh Lê Trung H1 cùng trả 987.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Đặng Thị T thống nhất với lời trình bày của anh H về việc mua bán cá và chị còn nợ 987.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc mua bán cá là giữa cá nhân của chị với anh H, không liên quan đến anh H1, vì giữa chị và anh H1 đã ly thân trên 02 năm nay.

- Bị đơn anh Lê Trung H1 trình bày: Anh và chị T đã ly thân trên 02 năm. Mua bán cá là việc giữa chị T với anh H nên anh không đồng ý trả số tiền trên.

- Tại bản án dân sự số 17/2017/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Lê Trung H1 và chị Đặng Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho anh Võ Văn H 987.000.000 đồng tiền nợ từ hợp đồng mua bán cá lóc.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Lê Trung H1 và chị Đặng Thị T cùng liên đới nộp 41.610.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Võ Văn H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.335.000 đồng theo biên lai thu số: BN/2013 09091, ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên xử nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 22/8/2017, anh Lê Trung H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T. Anh H1 kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị T trả cho anh H số tiền 987.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Anh Trần Hà Xuân P là người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của anh H1 trình bày: Anh H1 và chị T ly thân từ năm 2015 là có thật nên anh H1 không biết việc giao dịch của chị T, anh H1 không có tham gia giao dịch. Việc vay tiền Ngân hàng xuất phát từ năm 2012 – 2013, sau này chị T tự thực hiện việc đáo nợ Ngân hàng mà Tòa án cấp sơ thẩm nhận định để buộc liên đới là không đúng. Từ đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1, không buộc anh H1 có trách nhiệm liên đới cùng chị T trả cho anh H số tiền 987.000.000 đồng.

Anh Vũ A là người đại diện theo ủy quyền của anh H trình bày: Việc anh H1, chị T có ký hợp đồng vay tiền Ngân hàng là có thật. Anh H1 cho rằng ly thân với chị T năm 2015 nhưng năm 2016 chị T đáo hạn Ngân hàng anh H1 không phản đối. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm anh H1 chỉ trả lời không biết nhằm chối bỏ nghĩa vụ của mình nên yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Chị T và anh H thừa nhận việc mua bán cá lóc và nợ số tiền 987.000.000 đồng là có thật, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc anh H1 có nghĩa vụ liên đới cùng chị T trả số tiền còn nợ cho anh H là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1, sửa bản án dân sự sơ thẩm chỉ buộc chị T có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 987.000.000 đồng còn nợ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của Luật sư và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Lê Trung H1 kháng cáo không đồng ý liên đới cùng chị T trả cho anh H số tiền 987.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ,

[1] Việc giao dịch dân sự mua bán cá, chị T còn nợ anh H số tiền 987.000.000 đồng là có thật, do anh H và chị T đều thừa nhận.

[2] Căn cứ hồ sơ vụ án cho thấy tất cả các giao dịch mua bán, trả tiền đều do chị T thực hiện thể hiện qua các giấy xác nhận nợ đều do chị T ký và tại biên bản lấy lời khai của anh H cũng thừa nhận chỉ giao dịch với chị T, là đúng với lời khai của anh H1 về việc không biết anh H là ai.

[3] Việc mua bán cá không dùng để làm kinh tế chung của chị T, anh H1 cũng như không sử dụng trong sinh hoạt chung. Là phù hợp với việc anh H1 và

chị T đều thừa nhận đã ly thân từ năm 2015. Còn việc mua bán cá vào năm 2016 là sau một khoảng thời gian vợ chồng anh H1, chị T ly thân. Mặt khác, chị T cũng thừa nhận đây là khoản nợ riêng của chị, không liên quan đến anh H1.

[4] Đối với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng anh H1 biết việc mua bán cá do cùng chị T thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng dùng vào mục đích kinh doanh. Tuy nhiên, hợp đồng vay tiền được thực hiện từ ngày 01/4/2013, đến năm 2015 đã ly thân. Anh H1 cho rằng do tài sản chung của hộ nên anh có ký tên vay tiền nhưng việc quản lý, sử dụng tiền vay đều do chị T tự vay, tự đáo hạn Ngân hàng, điều đó còn phù hợp với việc anh Vũ Tuấn Anh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận năm 2016 chị T đáo nợ Ngân hàng không có anh H1 ký tên vào hồ sơ. Như vậy, tiền vay sử dụng mục đích chung từ năm 2013 đến trước khi ly thân mà việc mua bán cá diễn ra năm 2016. Nên không thể căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để xác định nghĩa vụ liên đới của anh H1.

[5] Tại Tòa án cấp phúc thẩm anh H có cung cấp 02 tờ xác nhận về việc anh H1 có cùng chị T đến mua cá của anh Nguyễn Văn Phúc, anh Phan Văn Vũ để chứng minh cho việc buộc anh H1 có trách nhiệm liên đới là chưa có đủ cơ sở. Do việc mua bán với anh Phúc, anh Vũ không liên quan đến việc mua bán cá giữa anh H và chị T.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Trung H1, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn H buộc chị Đặng Thị T trả cho anh Võ Văn H số tiền 987.000.000 đồng tiền mua bán cá còn nợ.

[7] Đại diện viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1, sửa bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên anh H1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Trung H1.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn H về việc yêu cầu chị Đặng Thị T trả số tiền 987.000.000 đồng.

Buộc chị Đặng Thị T trả cho anh Võ Văn H số tiền 987.000.000 đồng (chín trăm, tám mươi bảy triệu đồng) mua bán cá còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn H về yêu cầu anh Lê Trung H1 có trách nhiệm liên đới cùng chị Đặng Thị T trả số tiền 987.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Thị T phải chịu 41.610.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh H được khấu trừ vào 27.335.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 09091 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Anh Võ Văn H được nhận lại 27.035.000 đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Trung H1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh H1 được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 09200 ngày 22/8/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Nước

